

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2026/HNGĐ-PT
Ngày 19 - 01 - 2026
Về việc: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy.

Các Thẩm phán: Ông Lưu Hữu Giàu và bà Phạm Thị Minh Châu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Phan Yên Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*
Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 47/2025/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2025/QĐ-PT ngày 19/11/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 204/TB-TA ngày 03/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1997; Cư trú: Số nhà 669, ấp KP9, xã Phú Đức, huyện Tam Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp
- Bị đơn: Bà Ngô Thị N, sinh năm 1999; Cư trú: Ấp T, xã C (trước là xã Tân Mỹ, huyện Chợ Mới), tỉnh An Giang
- Người kháng cáo: Bà Ngô Thị N là bị đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị N có mặt, ông Nguyễn Chí K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

* *Nguyên đơn ông Nguyễn Chí K trình bày:* Ông và bà Ngô Thị N cưới nhau vào năm 2022, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/5/2022 (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp) hôn nhân do ông bà tự tìm hiểu và được gia đình hai bên chấp thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi nhau, bà N không hòa thuận với gia đình bên chồng, nghi ngờ ông có người phụ nữ khác nên thường kiểm chuyện với ông, khi cha mẹ chồng can ngăn thì bà N còn đánh mẹ chồng, thời gian chung sống bà N không quan tâm, chăm sóc gia đình, bán vàng cưới để tiêu xài cá nhân. Vợ chồng ly thân từ tháng 8/2023 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông yêu cầu ly hôn với bà Ngô Thị Nho .

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Ngô Thị N trình bày:* Bà với ông Nguyễn Chí K cưới nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp), hôn nhân do ông bà tự tìm hiểu và được cha mẹ đồng ý. Sau khi cưới vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn, việc ông K trình bày bà đánh cha mẹ chồng là không có, bà vẫn còn thương chồng. Nay, chồng yêu cầu ly hôn bà không đồng ý, muốn vợ chồng hàn gắn để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang, đã quyết định:*

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Chí K đối với bà Ngô Thị Nho .

Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Chí K được ly hôn với bà Ngô Thị Nho .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, bà Ngô Thị N có đơn kháng cáo đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang, nội dung yêu cầu: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét lại vụ án, bà N không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Chí K.

** Tại phiên tòa:*

+ Bị đơn bà Ngô Thị N trình bày bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Chí K, vợ chồng vẫn còn chung sống không có ly thân, bà vẫn còn tình cảm với ông K.

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Chí K vắng mặt không tham gia phiên tòa nhưng có bản tự khai và đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 14/01/2026, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với bản án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà N; căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Ngô Thị N kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo Điều 285 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn xác định giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

[1.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Chí K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 14/01/2026, việc yêu cầu xét xử vắng mặt của ông K phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử phúc căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông K

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị N, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Các đương thống nhất về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 31 ngày 24/5/2022. Thời gian phát sinh mâu thuẫn, các bên không thể hàn gắn mâu thuẫn, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà N, bà N không đồng ý ly hôn, với lý do bà vẫn còn tình cảm với ông K nên yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ để về chung sống lại với nhau chăm lo cuộc sống không đồng ý ly hôn.

[2.2] Đối với nội dung về quan hệ hôn nhân, bà N cho rằng giữa vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, bà N vẫn còn tình cảm không đồng ý ly hôn với ông K. Tại phiên tòa, bà N xác định thời gian sống ly thân là không có vì giữa bà với ông K đã hàn gắn, bà và ông K cùng nhau sống chung nên bà không đồng ý ly hôn nhưng bà N không đưa ra được chứng cứ thể hiện nội dung bà trình bày hay ý chí ông K đồng ý hàn gắn đoàn tụ cùng bà. Tại bản tự khai ngày 14/01/2026, ông K có ý kiến trình bày ông xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với bà N, ông không đồng ý hàn gắn với bà N và đồng ý với bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà N cũng không đưa ra được giải pháp hàn gắn đoàn tụ đối với ông K. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện,

ông K không đồng ý tiếp tục sống cùng với bà N, vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K đối với bà N là có căn cứ

[2.3] Về con chung: Thời gian chung sống ông K và bà N thống nhất không có con chung

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân ông bà đều trình bày không có yêu cầu giải quyết nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Nho .

Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 62/2025/HNGĐ-ST ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 144, 147 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Chí K đối với bà Ngô Thị Nho .

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Chí K được ly hôn với bà Ngô Thị Nho .
2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Chí K phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai số 0024727 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- An Giang) cấp ngày 05 tháng 6 năm 2025. Ông Nguyễn Chí K đã nộp xong.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà N đã nộp theo biên lai thu số 0001884 ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- An Giang. Bà N đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Tòa Phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 11-An Giang;
- VKSND khu vực 11-An Giang;
- Tòa Dân sự;
- Phòng GDKT, TTr&THA;
- Đường sự;
- Lưu: Văn phòng.

Trịnh Ngọc Thúy